

Công khai tài chính của cơ sở giáo dục đại học năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/ năm học	Dự kiến học phí/1SV của cả khóa học
I	Học phí chính quy chương trình đại trà			
1	Thạc sỹ			
	Kế toán	Đồng/năm	15.625.000	31.250.000
	Thủy văn học	Đồng/năm	16.875.000	33.750.000
	Khí tượng và khí hậu học	Đồng/năm	16.875.000	33.750.000
	Khoa học môi trường	Đồng/năm	18.125.000	36.250.000
	Kỹ thuật trắc địa bản đồ	Đồng/năm	18.125.000	36.250.000
	Quản lý tài nguyên và môi trường	Đồng/năm	15.000.000	30.000.000
	Quản lý đất đai	Đồng/năm	15.000.000	30.000.000
2	Đại học			
2.1	Khóa ĐH9			
	Kế toán	Đồng/năm	11.364.000	45.456.000
	Luật	Đồng/năm	10.606.400	42.425.600
	Quản trị kinh doanh	Đồng/năm	10.985.200	43.940.800
	Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững	Đồng/năm	12.682.100	50.728.400
	Khí tượng và khí hậu học	Đồng/năm	13.091.200	52.364.800
	Thủy văn học	Đồng/năm	8.182.000	32.728.000
	Công nghệ kỹ thuật môi trường	Đồng/năm	11.424.400	45.697.600
	Công nghệ thông tin	Đồng/năm	12.742.600	50.970.400
	Kỹ thuật địa chất	Đồng/năm	13.621.400	54.485.600
	Kỹ thuật trắc địa bản đồ	Đồng/năm	12.742.600	50.970.400
	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	Đồng/năm	10.544.400	42.177.600
	Quản lý biển	Đồng/năm	10.544.400	42.177.600
	Quản lý đất đai	Đồng/năm	9.817.200	39.268.800
	Quản lý tài nguyên nước	Đồng/năm	8.362.800	33.451.200

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/ năm học	Dự kiến học phí/1SV của cả khóa học
	Quản lý tài nguyên và môi trường	Đồng/năm	9.090.000	36.360.000
	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Đồng/năm	10.544.400	42.177.600
2.2	<i>Khóa ĐH10</i>			
	Bất động sản	Đồng/năm	13.636.800	54.547.200
	Kế toán	Đồng/năm	14.015.600	56.062.400
	Luật	Đồng/năm	14.015.600	56.062.400
	Marketing	Đồng/năm	14.015.600	56.062.400
	Quản trị kinh doanh	Đồng/năm	13.636.800	54.547.200
	Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững	Đồng/năm	13.909.400	55.637.600
	Khí tượng và khí hậu học	Đồng/năm	14.318.500	57.274.000
	Sinh học ứng dụng	Đồng/năm	15.834.000	63.336.000
	Thủy văn học	Đồng/năm	15.136.700	60.546.800
	Công nghệ kỹ thuật môi trường	Đồng/năm	16.257.800	65.031.200
	Công nghệ thông tin	Đồng/năm	16.257.800	65.031.200
	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	Đồng/năm	17.007.900	68.031.600
	Kỹ thuật địa chất	Đồng/năm	16.257.800	65.031.200
	Kỹ thuật trắc địa bản đồ	Đồng/năm	16.697.200	66.788.800
	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Đồng/năm	16.135.700	64.542.800
	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	Đồng/năm	14.180.400	56.721.600
	Ngôn ngữ anh	Đồng/năm	12.631.500	50.526.000
	Quản lý biển	Đồng/năm	13.089.600	52.358.400
	Quản lý đất đai	Đồng/năm	13.089.600	52.358.400
	Quản lý tài nguyên nước	Đồng/năm	13.453.200	53.812.800
	Quản lý tài nguyên và môi trường	Đồng/năm	15.271.200	61.084.800
	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Đồng/năm	12.726.000	50.904.000
	Quản trị khách sạn	Đồng/năm	13.353.300	53.413.200
2.3	<i>Khóa ĐH11, ĐH12</i>			
	Bất động sản	Đồng/năm	16.163.700	64.654.800
	Kế toán	Đồng/năm	13.532.400	54.129.600

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/ năm học	Dự kiến học phí/1SV của cả khóa học
	Luật	Đồng/năm	15.411.900	61.647.600
	Marketing	Đồng/năm	15.787.800	63.151.200
	Quản trị kinh doanh	Đồng/năm	13.908.300	55.633.200
	Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững	Đồng/năm	16.646.000	66.584.000
	Khí tượng và khí hậu học	Đồng/năm	17.052.000	68.208.000
	Sinh học ứng dụng	Đồng/năm	17.458.000	69.832.000
	Thủy văn học	Đồng/năm	18.676.000	74.704.000
	Công nghệ kỹ thuật môi trường	Đồng/năm	18.316.200	73.264.800
	Công nghệ thông tin	Đồng/năm	16.571.800	66.287.200
	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	Đồng/năm	18.752.300	75.009.200
	Kỹ thuật địa chất	Đồng/năm	18.316.200	73.264.800
	Kỹ thuật trắc địa bản đồ	Đồng/năm	17.007.900	68.031.600
	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Đồng/năm	17.444.000	69.776.000
	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	Đồng/năm	14.796.900	59.187.600
	Ngôn ngữ anh	Đồng/năm	14.796.900	59.187.600
	Quản lý biển	Đồng/năm	14.436.000	57.744.000
	Quản lý đất đai	Đồng/năm	15.518.700	62.074.800
	Quản lý tài nguyên nước	Đồng/năm	14.436.000	57.744.000
	Quản lý tài nguyên và môi trường	Đồng/năm	15.157.800	60.631.200
	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Đồng/năm	16.601.400	66.405.600
	Quản trị khách sạn	Đồng/năm	15.157.800	60.631.200
III	Học phí hình thức vừa học vừa làm			
3.1	Chương trình đào tạo Liên thông từ Trung cấp lên đại học hình thức vừa học vừa học			
3.1.1	Khóa TLV10			
	Thủy văn học	Đồng/năm	23.943.500	59.858.750
	Công nghệ kỹ thuật môi trường	Đồng/năm	19.419.000	48.547.500
	Quản lý đất đai	Đồng/năm	19.936.000	49.840.000
3.1.2	Khóa TLV11 và 12			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/ năm học	Dự kiến học phí/1SV của cả khóa học
	Khí tượng và khí hậu học	Đồng/năm	8.934.000	22.335.000
	Thủy văn học	Đồng/năm	8.125.000	20.312.500
	Kỹ thuật trắc địa bản đồ	Đồng/năm	20.390.000	50.975.000
3.2	Chương trình đào tạo Liên thông từ cao đẳng lên đại học hình thức vừa làm vừa học			
3.2.1	Khóa DLV10			
	Thủy văn học	Đồng/năm	12.023.200	18.034.800
	Công nghệ kỹ thuật môi trường	Đồng/năm	12.234.600	18.351.900
	Kỹ thuật trắc địa bản đồ	Đồng/năm	10.874.900	16.312.350
	Quản lý đất đai		12.735.000	19.102.500
3.2.2	Khóa DLV11,12			
	Khí tượng và khí hậu học	Đồng/năm	18.984.000	28.476.000
	Thủy văn học	Đồng/năm	17.193.000	25.789.500
	Kỹ thuật trắc địa bản đồ	Đồng/năm	18.270.000	27.405.000
	Quản lý đất đai	Đồng/năm	19.021.600	28.532.400
3.3	Chương trình đào tạo Hệ đại học hình thức vừa làm vừa học			
3.3.1	Khóa ĐHV9			
	Kỹ thuật trắc địa bản đồ	Đồng/năm	22.083.600	88.334.400
3.3.2	Khóa ĐHV10,11,12			
	Kỹ thuật trắc địa bản đồ	Đồng/năm	22.239.400	88.957.600
IV	Tổng thu năm 2022 (Dự kiến)		181,0	
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng	53,0	
1.1	Sự nghiệp giáo dục đào tạo	Tỷ đồng	35,0	
1.2	Vốn đối ứng	Tỷ đồng	0,1	
1.3	Tài chính khác	Tỷ đồng	0,1	
1.4	Sự nghiệp KHCN (đề tài cấp Bộ, cấp Cơ sở)	Tỷ đồng	17,8	
2	Từ học phí, lệ phí tuyển sinh, thu sự nghiệp khác	Tỷ đồng	123,0	
3	Từ hoạt động dịch vụ KHCN (đề tài cấp NN, Tỉnh, Quỹ không thuộc Bộ)	Tỷ đồng	4,0	
4	Từ nguồn thu hợp pháp khác (thu từ	Tỷ đồng	1,3	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/ năm học	Dự kiến học phí/1SV của cả khóa học
	hoạt động dịch vụ SXKD)			

**KT. TRƯỞNG PHÒNG KHTC
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

(Đã ký)

Trần Huyền Thu

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Hoàng Anh Huy